

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *167*/BC-NSTP

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 4 năm 2023.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- + Tên tiếng Việt: CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI
- + Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products and Foodstuff Joint Stock Company.
- + Tên viết tắt: APFCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 27/12/2022.
- Vốn điều lệ: 225.539.970.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm ba chín triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng*).
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 33827308; 3822529
- Email: apfco@apfco.com.vn
- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn
- Mã cổ phiếu: APF
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Năm 2004: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy SX tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy SX tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.
- Năm 2005: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Đăk Tô – KonTum.

- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư Nhà máy SX tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.
- Năm 2008: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Tân Châu - Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.
- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy SX tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào; Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.
- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.
- Năm 2019: Góp vốn thành lập Công ty CP tinh bột sắn EaKar.
- Năm 2021: Sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông.
- Năm 2022: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapue.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn	1062 (chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột (sắn)	0113
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu	2599
6	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Xây dựng dân dụng	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620
11	Bán buôn thực phẩm	4632

TT	Tên ngành	Mã ngành
12	Bán buôn đồ uống	4633
13	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Bán buôn tổng hợp	4690
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Cho thuê kho, bãi	5210
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); - Chế tạo thiết bị cơ khí; - Đầu tư kinh doanh thai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; - Cho thuê văn phòng làm việc; - Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; - Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas - Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm 	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>
24	Sản xuất điện	3511
25	Truyền tải và phân phối điện	3512

b. Địa bàn kinh doanh:

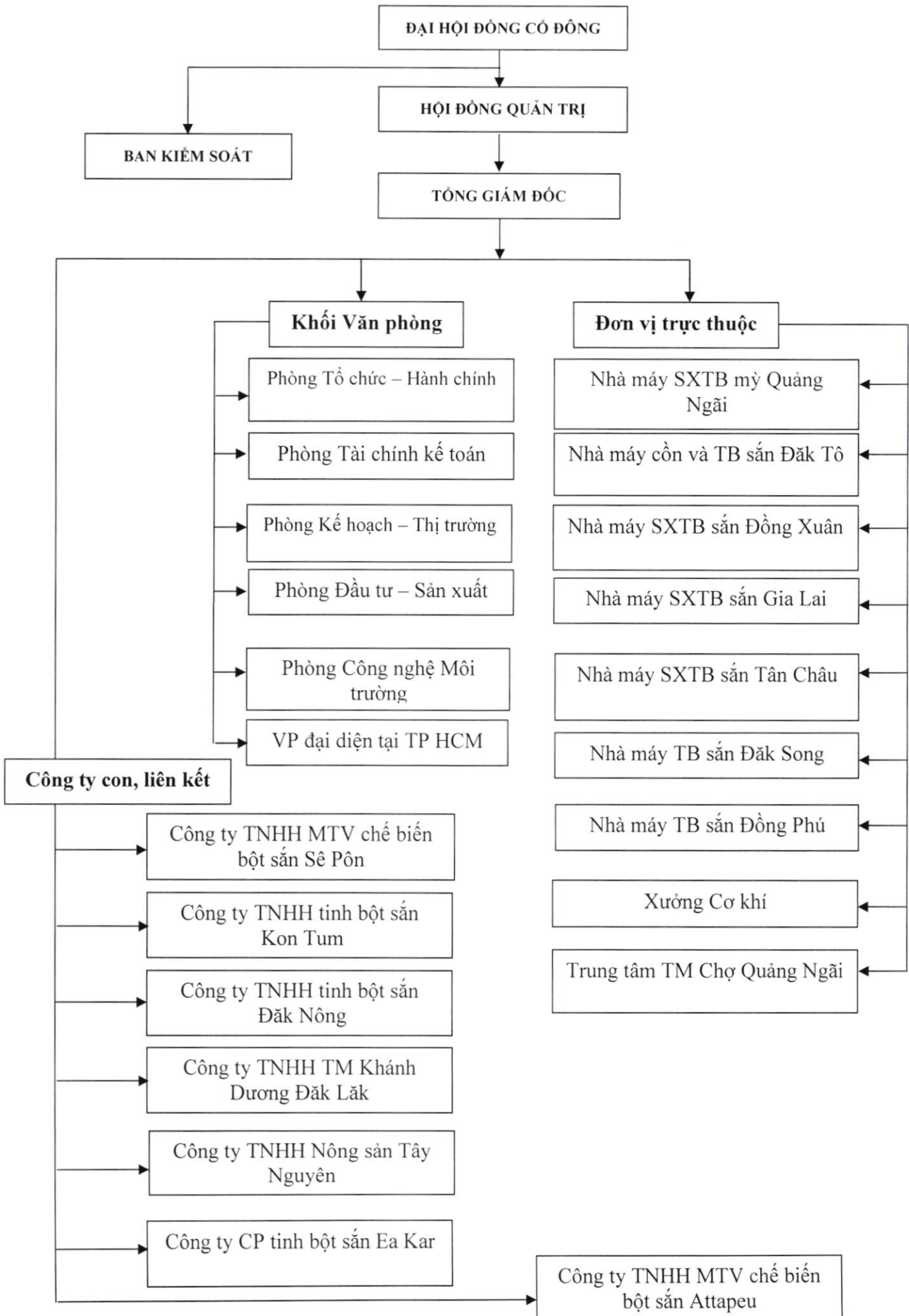
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Các nước Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	100%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	Chế biến Tinh bột sắn	70%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	20%
6	Công ty CP tinh bột sắn EKAR	Thôn 9, xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	51%
7	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu	Bản Yaihuamuong, huyện Samakhisay, tỉnh Attapeu, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%

4. Định hướng phát triển:

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất và cung cấp ra thị trường trong nước và nước ngoài tinh bột sắn, tinh bột biến tính lý, tinh bột biến tính hóa các loại và cồn thực phẩm đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Áp dụng công nghệ thiết bị phù hợp, liên tục đào tạo nhân lực và áp dụng các giải pháp quản lý tiên tiến để hạ giá thành sản phẩm đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, nông dân trồng sắn, người lao động và thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

- Tăng tỷ trọng đầu tư sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn các loại tại Lào.

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến để xử lý hết lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của các nhà máy đảm bảo nước thải sau khi được xử lý sẽ đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; Đầu tư hệ thống ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty, đến thời điểm này toàn bộ lượng bã phát sinh trong quá trình sản xuất được sấy khô để cung cấp cho các cơ sở sản xuất thức ăn gia súc.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm điện, nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

* Thế giới:

- Dịch bệnh covid-19 giảm, các nước dần phục hồi phát triển kinh tế, tuy nhiên kinh tế - chính trị thế giới nhiều bất ổn, nhất là phương Tây với Nga (do chiến tranh Nga và Ucraina) làm giá nhiên liệu, lương thực tăng, lạm phát,... ảnh hưởng chi phí đầu vào, thị trường tinh bột khó dự báo.

- Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách zero covid, cửa khẩu đường biên bị đóng, các cảng biển thường bị phong tỏa, ... làm tăng chi phí ở khâu thương mại, tiêu thụ tinh bột sản tại Trung Quốc chậm.

- Tỷ giá ngoại tệ thường bất ổn do Mỹ tăng lãi suất đồng USD liên tục, lên xuống thất thường, khó dự báo và bất lợi cho xuất khẩu. Trong nước thắt chặt room tín dụng nên nhiều nhà máy tinh bột sản bị thiếu vốn sản xuất cầm chừng.

* Trong nước:

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn bất thường, nhất là các tỉnh miền Trung, tình hình dịch bệnh đối với cây sản ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.200.000	7.204.760	138,55
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	100.000	277.019	277,02
3. Khấu hao	Triệu đồng	90.000	91.705	101,89
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Triệu đồng	100.000	365.197	365,20
5. Vốn điều lệ	Triệu đồng	225.542	225.540	100,00
6. Cổ tức	Đồng/CP	3.000 - 4.000	6.000	
7. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	11.500	13.000	113,00

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
8. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	480.000	576.486	118,23
8.1 Công ty sản xuất:		318.000	357.850	112,53
- Tinh bột thường	Tấn	231.000	272.875	118,13
- Tinh bột biến tính	Tấn	87.000	84.975	97,67
8.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	162.000	209.636	129,40
9. Cồn thực phẩm	m3	10.000	11.230	112,30

1.2 Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu đạt 138,55% so với kế hoạch, chủ yếu là lượng tiêu thụ tăng và giá bán tinh bột sắn cao hơn năm trước. Tổng sản lượng tinh bột sắn tiêu thụ 557.593 tấn đạt 114,73 kế hoạch và bằng 125,88% so với năm 2021.

- Lãi ròng đạt 277,02% so với kế hoạch và bằng 181,67% năm 2021, chủ yếu là do giá nguyên liệu hợp lý, hiệu suất thu hồi cao, giá thành sản phẩm giảm.

- Lãi công ty mẹ (hợp nhất) đạt cao, bằng 221,65% so với năm 2021. Các công ty con, liên kết đều có lãi vượt kế hoạch, tăng nhiều nhất là công ty Sepon.

- Sản lượng tinh bột sắn: Đạt 118,23% kế hoạch và bằng 118,91% so với năm trước, do tổ chức sản xuất tốt, thời gian sản xuất dài, đầy tải lúc chính vụ, ít cạnh tranh về nguyên liệu.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Hội đồng quản trị:

- Ông: Võ Văn Danh Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lê Tuấn Toàn Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Trần Ngọc Hải Thành viên HĐQT
- Ông: Đồng Văn Lập Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Ngọc Hình Thành viên HĐQT

2.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Ngọc Hải Tổng Giám đốc
- Ông: Đồng Văn Lập Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Lê Ngọc Hình Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Đức Thạch Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 01/4/2022)
- Ông: Phạm Quốc Tài Kế toán trưởng (bổ nhiệm 01/5/2022)

2.3 Ban Kiểm soát:

- Bà: Bùi Thị Như Hoa Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Phạm Văn Lâm Thành viên
- Ông: Lâm Đức Chính Thành viên

2.4. Danh sách ban điều hành

* Ông: Trần Ngọc Hải

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
- Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP QNgãi
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

- Số CMDN : 211925924
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 413.012,0 CP, tỷ lệ: 1,83%
- * Ông: Đồng Văn Lập**
 Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
 Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP QNgãi.
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
 Số CMDN : 211963747
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 169.230,0 CP, tỷ lệ: 0,75%
- * Ông: Lê Ngọc Hình**
 Ngày tháng năm sinh : 10/8/1977
 Địa chỉ thường trú : Đức Thanh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
 Số CMDN : 212042945
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0255 3722579
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 350.251,0 CP, tỷ lệ: 1,55%
- * Ông: Trần Đức Thạch**
 Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
 Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Số CMDN : 212127348
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0255 38226952
 Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 252.297,0 CP, tỷ lệ: 1,12 %
- * Ông: Phạm Quốc Tài**
 Ngày tháng năm sinh : 10/12/1979
 Địa chỉ thường trú : P.Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Số CMDN : 212092430

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
 Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 77.022,0 CP, tỷ lệ: 0,34 %

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 24/02/2023).

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Thay đổi
1	Ông: Trần Đức Thạch	20/5/1974	Cử nhân Kinh tế, Ngoại ngữ	- Bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ 01/4/2022; - Từ 01/5/2022: Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng
2	Ông: Phạm Quốc Tàu	10/12/1979	Cử nhân kinh tế	Bỏ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 01/5/2022

2.6. Số lượng cán bộ nhân viên:

Lao động sử dụng bình quân toàn công ty trong năm 2022 là 1.336 lao động, trong đó công ty mẹ là 877 LĐ và các công ty con là 459 LĐ. Năng suất lao động (tính theo sản phẩm) tăng 13,7% so với năm 2021.

2.7. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng: Hằng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động: Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các dự án đầu tư lớn:

- Thực hiện Dự án nâng công suất Nhà máy chế biến bột sắn Sepon lên 300 SP/ngày, tổng mức đầu tư 66,5 tỷ đồng (2,93 triệu USD) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 30/9/2022, trước tiến độ và đạt mục tiêu của dự án.

- Thực hiện đầu tư dự án Nhà máy chế biến bột sắn Attapeu công suất 300 tấn SP/ngày tại huyện Samakhixay, tỉnh Attapue, Lào. Tổng mức đầu tư là 221 tỷ đồng (9,13 triệu USD), khởi công vào đầu tháng 12/2022.

- Đã đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng của Nhà máy Đăk Song và An Khê theo hướng phù hợp vệ sinh ATTP, phù hợp với tiêu chuẩn ISO 22000 (FSSC 22000).

- Đầu tư một số công trình, phương tiện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và cải thiện môi trường làm việc.

- Công tác quản lý đầu tư được tốt hơn về chất lượng, tiến độ công trình, kịp thời đưa vào sản xuất.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
I	Công ty con		
1	Công ty TNHH MTV Chế biến Tinh bột sắn Sê Pôn		
a	Tổng cộng tài sản	219.448.371.506	
	- Tài sản ngắn hạn	120.972.844.942	
	- Tài sản dài hạn	98.475.526.564	
b	Tổng cộng nguồn vốn	219.448.371.506	
	- Nợ phải trả	131.732.202.830	
	- Vốn chủ sở hữu	87.716.168.676	
	+ Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	75.221.705.049	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	338.204.465.114	
	- Lợi nhuận trước thuế	53.823.257.862	
	- Lợi nhuận sau thuế	53.823.257.862	
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum		
a	Tổng cộng tài sản	282.699.038.255	
	- Tài sản ngắn hạn	214.360.947.625	
	- Tài sản dài hạn	68.338.090.630	
b	Tổng cộng nguồn vốn	282.699.038.255	
	- Nợ phải trả	172.821.542.990	
	- Vốn chủ sở hữu	109.877.495.265	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.848.094.338	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	676.329.411.183	
	- Lợi nhuận trước thuế	40.450.877.838	
	- Lợi nhuận sau thuế	40.450.877.838	
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông		
a	Tổng cộng tài sản	62.761.067.500	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	- Tài sản ngắn hạn	44.434.227.798	
	- Tài sản dài hạn	18.326.839.702	
b	Tổng cộng nguồn vốn	62.761.067.500	
	- Nợ phải trả	31.629.189.840	
	- Vốn chủ sở hữu	31.131.877.660	
	+ Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	18.577.322.573	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	206.133.414.659	
	- Lợi nhuận trước thuế	8.912.020.540	
	- Lợi nhuận sau thuế	8.912.020.540	
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk		
a	Tổng cộng tài sản	125.188.281.907	
	- Tài sản ngắn hạn	54.061.092.822	
	- Tài sản dài hạn	71.127.189.085	
b	Tổng cộng nguồn vốn	125.188.281.907	
	- Nợ phải trả	45.429.341.040	
	- Vốn chủ sở hữu	79.758.940.867	
	+ Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	50.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	372.364.745.730	
	- Lợi nhuận trước thuế	31.111.789.198	
	- Lợi nhuận sau thuế	31.111.789.198	
5	Công ty CP Tinh bột sắn Eakar		
a	Tổng cộng tài sản	170.701.362.665	
	- Tài sản ngắn hạn	136.280.254.176	
	- Tài sản dài hạn	34.421.108.489	
b	Tổng cộng nguồn vốn	170.701.362.665	
	- Nợ phải trả	114.869.899.253	
	- Vốn chủ sở hữu	55.831.463.412	
	+ Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	33.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	326.695.314.216	
	- Lợi nhuận trước thuế	20.858.072.539	
	- Lợi nhuận sau thuế	20.843.025.836	
6	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu		
a	Tổng cộng tài sản	25.423.989.824	
	- Tài sản ngắn hạn	19.586.032.104	
	- Tài sản dài hạn	5.837.957.720	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
b	Tổng cộng nguồn vốn	25.423.989.824	
	- Nợ phải trả	25.423.989.824	
	- Vốn chủ sở hữu		
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu		
	- Lợi nhuận trước thuế		
	- Lợi nhuận sau thuế		
II	Công ty liên kết		
1	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên		
a	Tổng cộng tài sản		
	- Tài sản ngắn hạn		
	- Tài sản dài hạn		
b	Tổng cộng nguồn vốn		
	- Nợ phải trả		
	- Vốn chủ sở hữu		
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu		
	- Lợi nhuận trước thuế		
	- Lợi nhuận sau thuế		

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.510.309.332.256	3.139.186.762.617	25,1
Doanh thu thuần	5.445.042.613.234	7.144.333.671.200	31,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	182.672.515.901	404.970.080.745	121,7
Lợi nhuận khác/	264.140.357	560.635.498	112,2
Lợi nhuận trước thuế	182.936.656.258	405.530.716.243	121,7
Lợi nhuận sau thuế	182.601.714.636	404.564.301.513	121,6

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,93	1,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,35	0,60	

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,08	1,88	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,35	7,10	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,17	2,28	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,37	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,06	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 24/02/2023 là: 22.553.997,0 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng là: 545.674 CP (Cổ phiếu ESOP 2021).

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	3.872.464	17,17%
	Cổ đông nhỏ	18.681.533	82,83%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	185.654	0,82%
	Cổ đông cá nhân	22.368.343	99,18%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	22.553.997	100,00%
	Cổ đông nước ngoài		
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	22.553.997	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2022, Công ty đã 02 lần tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021, tăng vốn điều lệ từ 200.077.840.000,0 lên 220.083.230.000,0 đồng.

- Phát hành cổ phiếu ESOP tăng vốn điều lệ từ 220.083.230.000,0 đồng lên 225.539.970.000,0 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.200.000	7.204.760	138,55
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	100.000	277.019	277,02
3. Khấu hao	Triệu đồng	90.000	91.705	101,89
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Triệu đồng	100.000	365.197	365,20
5. Vốn điều lệ	Triệu đồng	225.542	225.540	100,00
6. Cổ tức	Đồng/CP	3.000 - 4.000	6.000	
7. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	11.500	13.000	113,00
8. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	480.000	576.486	118,23
8.1 Công ty sản xuất:		318.000	357.850	112,53
- Tinh bột thường	Tấn	231.000	272.875	118,13
- Tinh bột biến tính	Tấn	87.000	84.975	97,67
8.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	162.000	209.636	129,40
9. Cồn thực phẩm	m3	10.000	11.230	112,30

- Doanh thu đạt 138,55% so với kế hoạch, chủ yếu là lượng tiêu thụ tăng và giá bán tinh bột sắn cao hơn năm trước. Tổng sản lượng tinh bột sắn tiêu thụ 557.593 tấn đạt 114,73 kế hoạch và bằng 125,88% so với năm 2021.

- Lãi ròng đạt 277,02% so với kế hoạch và bằng 181,67% năm 2021, chủ yếu là do giá nguyên liệu hợp lý, hiệu suất thu hồi cao, giá thành sản phẩm giảm.

- Lãi công ty mẹ (hợp nhất) đạt cao, bằng 221,65% so với năm 2021. Các công ty con, liên kết đều có lãi vượt kế hoạch, tăng nhiều nhất là công ty Sepon.

- Sản lượng tinh bột sắn: Đạt 118,23% kế hoạch và bằng 118,91% so với năm trước, do tổ chức sản xuất tốt, thời gian sản xuất dài, đầy tải lúc chính vụ, ít cạnh tranh về nguyên liệu.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ SS
Tài sản ngắn hạn	1.441.944.036.738	2.098.042.703.671	145,5%
Vốn bằng tiền	36.209.576.874	106.209.674.612	293,3%
Các khoản phải thu	381.810.274.679	713.453.738.889	186,9%
Hàng tồn kho	898.995.134.593	936.902.155.281	104,2%
Tài sản ngắn hạn khác	124.929.050.592	341.477.134.889	273,3%
Tài sản dài hạn	1.068.365.295.518	1.041.144.058.946	97,5%
Các khoản phải thu dài hạn	4.051.604.205	1.451.604.205	35,8%

Tài sản cố định	992.245.707.252	971.316.822.902	97,9%
Tài sản dở dang dài hạn	22.368.897.912	20.414.577.532	91,3%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.398.069.832	20.730.515.912	119,2%
Tài sản dài hạn khác	32.301.016.317	27.230.538.395	84,3%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.510.309.332.256	3.139.186.762.617	125,1%
Nợ phải trả	1.695.181.261.665	2.048.496.354.051	120,8%
Nợ ngắn hạn	1.557.990.022.171	1.947.073.036.649	125,0%
Nợ dài hạn	137.191.239.494	101.423.317.402	73,9%
Vốn chủ sở hữu	815.128.070.591	1.090.690.408.566	133,8%
Vốn góp của chủ sở hữu	200.077.840.000	225.539.970.000	112,7%
Thặng dư vốn cổ phần	93.084.150.620	107.609.873.380	115,6%
Vốn khác của chủ sở hữu	400.000.000	400.000.000	100,0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(21.604.784.480)	(65.399.247.699)	302,7%
Quỹ đầu tư phát triển	224.832.843.289	242.309.134.812	107,8%
Lợi nhuận chưa phân phối	238.295.977.696	475.107.635.901	199,4%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	80.042.043.466	105.123.042.172	131,3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	2.510.309.332.256	3.139.186.762.617	125,1%

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả đến 31/12/2022 cao hơn 31/12/2021 chủ yếu là do doanh thu năm 2022 tăng cao so với năm 2021, làm cho nợ phải thu tăng.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp sục khí, tách bùn nước thải đạt chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường, các đơn vị chưa đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải chưa ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng, tiền phép... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2022, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong điều kiện kinh tế - chính trị thế giới nhiều bất ổn, thị trường tinh bột sắn biến động và khó dự báo, bên cạnh đó Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách zero covid, cửa khẩu đường biên bị đóng, các cảng biển thường bị phong tỏa,... làm tăng chi phí ở khâu thương mại; Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty đã nỗ lực điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt Nghị quyết, quyết định và các định hướng của HĐQT, tập trung một số điểm như sau:

2.1. Về quản lý sản xuất:

- Về nguyên liệu: Thực hiện tốt công tác mua nguyên liệu, tổng lượng mua đạt 1,87 triệu tấn, cao nhất từ trước đến nay và tăng hơn năm trước 240 ngàn tấn; Thực hiện đầu tư vùng nguyên liệu và phòng chống dịch bệnh khảm lá sắn 1.300 ha ở các vùng Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai với tổng giá trị đầu tư không thu hồi là: 4,10 tỷ đồng. Đầu tư vùng nguyên liệu ở huyện Sepon là 2,08 tỷ Kíp (3 tỷ đồng). Diện tích sắn ở 5 huyện lân cận Công ty Sepon tăng rất nhanh, vụ trồng 2021-2022 là 8.878ha.

- Về hiệu suất chế luyện: Năm 2022 đã tiếp tục nâng cao hiệu suất chế luyện, hầu hết các nhà máy đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Chất lượng sản phẩm: Ổn định hơn năm 2021 và đạt Mục tiêu chất lượng của Công ty.

- Về máy móc thiết bị: Hệ thống dây chuyền thiết bị ở các nhà máy ổn định, công tác quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa được đảm bảo. Nâng cấp máy ly tâm tách nước theo hướng tự động.

- Về an toàn thực phẩm: Kiểm soát dị vật, an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm và thực hiện tốt hơn năm trước.

2.2. Về đầu tư và phát triển:

- Thực hiện Dự án nâng công suất Nhà máy chế biến bột sắn Sepon lên 300 SP/ngày, tổng mức đầu tư 66,5 tỷ đồng (2,93 triệu USD) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 30/9/2022, trước tiến độ và đạt mục tiêu của dự án.

- Thực hiện đầu tư dự án Nhà máy chế biến bột sắn Attapeu công suất 300 tấn SP/ngày tại huyện Samakhixay, tỉnh Attapue, Lào. Tổng mức đầu tư là 221 tỷ đồng (9,13 triệu USD), khởi công vào đầu tháng 12/2022.

- Đã đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng của Nhà máy Đăk Song và An Khê theo hướng phù hợp vệ sinh ATTP, phù hợp với tiêu chuẩn ISO 22000 (FSSC 22000).

- Đầu tư một số công trình, phương tiện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và cải thiện môi trường làm việc.

- Công tác quản lý đầu tư được tốt hơn về chất lượng, tiến độ công trình, kịp thời đưa vào sản xuất.

2.3. Về thị trường, khách hàng và logistic:

- Tinh bột sắn: Thị trường Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ chính của Công ty cả bột thường và bột biến tính. Mặc dù khó khăn do chính sách zero covid nhưng xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 32% so với năm 2021; Thị trường Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng trưởng tốt, tuy nhiên chiếm tỷ trọng thấp.

- Còn thực phẩm: Giữ ổn định các khách hàng truyền thống ở 2 đầu mối chính khu vực phía bắc và TPHCM.

- Công tác logistic: Được xác định là yếu tố quan trọng trong việc bán hàng năm 2022, đã chủ động khắc phục tồn tại trong năm 2021, tổ chức tốt khâu giao hàng, chủ động linh hoạt nên đã thực hiện tiêu thụ số lượng lớn.

2.4. Vốn và quản lý vốn.

- Đảm bảo được nguồn vốn vay cho SX-KD, nhất là thời điểm chính vụ bị hạn chế room tín dụng, các Công ty con cũng được các ngân hàng mở rộng hạn mức và cho vay bằng hình thức tín chấp.

- Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí chặt chẽ. Cân đối sử dụng vốn hợp lý tiết kiệm chi phí.

- Tình trạng mất cân đối vốn lưu động ròng đã được khắc phục trong quý III/2022, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của ngân hàng cho vay vốn.

2.5. Công tác quản lý; nhân sự; lao động:

- Công tác điều hành hoạt động SX-KD có nhiều tiến bộ. Chất lượng quản lý và cường độ lao động của đội ngũ chủ chốt trong toàn hệ thống tăng cao.

- HĐQT bổ sung thêm nhân sự Ban Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc; bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

- Tổng Giám đốc đã kiện toàn các vị trí chủ chốt ở Nhà máy Tân Châu, Đồng Phú và Đồng Xuân; điều chuyển, bổ nhiệm nhân sự quản lý ở Nhà máy Đắk Song, Xưởng Cơ khí và phòng Kế hoạch - Thị trường. Đề nghị bổ nhiệm nhân sự quản lý ở các Công ty Đắk Nông, Công ty Sepon, Công ty Attapeu.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2023:

3.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	6.600.000
2	Lợi nhuận sau thuế của C.ty mẹ (HN)	Triệu đồng	270.000
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	270.648
4	Cổ tức	Đồng/CP	4.000 - 5.000
5	Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	555.000
5.1	Công ty sản xuất:		350.000
	- Tinh bột thường	Tấn	260.000
	- Tinh bột biến tính	Tấn	90.000
5.2	Công ty con, công ty liên kết:	Tấn	205.000
6	Còn thực phẩm	m ³	12.000

3.2 Một số định hướng chủ yếu.

3.2.1. Về thị trường, khách hàng và logistics:

- Tập trung mở rộng thị trường, khách hàng tiêu thụ bột biến tính. Mở rộng khách hàng tiêu thụ bột sản xuất tại Lào để chuẩn bị cho việc tăng sản lượng.

- Tiếp tục tổ chức tốt công tác logistics để đảm bảo sản lượng hàng bán, chú trọng công tác logistics ở Lào.

3.2.2. Về nguyên liệu:

- Quản lý chặt chẽ vùng nguyên liệu, tăng tỷ lệ huy động trong vùng để có lợi thế về giá mua, chất lượng. Cân đối giá mua hợp lý theo thị trường và chia sẻ với nông dân;

- Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ở huyện Sepon, huyện Noong tỉnh Savannakhet. Liên kết sâu hơn với nông dân và đại lý để kéo dài thời gian thu hoạch và sản xuất ở Công ty Sepon.

3.2.3. Về sản xuất:

- Tập trung cải tiến chất lượng sản phẩm đối với Công ty Eakar, Công ty Nông sản Tây nguyên và Công ty KonTum.

- Nâng cao tính cẩn trọng, tăng tính kỷ luật, đặc biệt là phòng ngừa, không được để các vật liệu phi tinh bột có nguy cơ lẫn vào sản phẩm trong khu vực đóng gói sản phẩm.

- Chú trọng lĩnh vực hóa sinh, đặc biệt trong xử lý môi trường để tăng thu hồi biogas và xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn xả thải.

- Chuẩn hóa quy trình vận hành phù hợp với từng nhà máy, đưa vào quản lý định mức nước, giảm định mức sử dụng nước từ 15-18m³/tấn SP.

- Nghiên cứu vận hành bán tự động từng cụm thiết bị: Hydrocyclone, ly tâm,... nhằm tiết kiệm lao động.

3.2.4 Về vốn và quản lý vốn:

- Quan hệ chặt chẽ với các Ngân hàng để đảm bảo hạn mức tín dụng, đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.

- Tiếp tục tích lũy vốn để đầu tư phát triển chế biến tinh bột sắn tại Lào. Tạm thời dùng lãi của Công ty Sepon để đầu tư cho các dự án tại Lào, nhằm được tiếp tục hưởng ưu đãi đầu tư cũng như đủ vốn đối ứng để vay ngân hàng.

- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng tại Lào để được vay vốn đầu tư NCS Sepone, vay vốn đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy tinh bột sắn Attapeu.

3.2.5. Về đầu tư và phát triển

- Thực hiện dự án đầu Nhà máy chế biến bột sắn Attapeu-Lào, công suất 300 tấn SP/ngày đưa vào hoạt động trước 30/9/2023.

- Tiếp tục đầu tư nâng công suất Nhà máy Sepon để giải quyết nguyên liệu, hoàn thành tháng 11/2023.

- Hoàn thiện thủ tục xin cấp phép đầu tư Dự án nhà máy tại tỉnh Salavan – Lào trong quý I/2023.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị theo hướng tự động và tiết kiệm nước; Đầu tư cơ sở hạ tầng các nhà máy theo hướng phù hợp với tiêu chuẩn ATVSTP.

3.2.6. Về quản lý - điều hành:

- Dành nguồn lực đầu tư tại Lào. Trong đó nguồn lực lao động là quan trọng nhất, lưu ý luân chuyển lao động Việt Nam – Lào.

- Nhanh chóng áp dụng quản trị mạng và xây dựng quy chế về quản trị mạng, kể cả quản trị thông tin, hình ảnh giao diện.

- Nhấn mạnh công tác đào tạo nội bộ cho lao động quản lý, lao động quản trị mạng, chọn thời điểm đào tạo, có thể mời giảng viên.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh nội quy, quy chế quản lý nội bộ của nhà máy, công ty con phù hợp với hệ thống quản lý của APFCO.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông: Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	5,77
2	Ông: Lê Tuấn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	3,43
3	Ông: Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	1,83
4	Ông: Đồng Văn Lập	Thành viên HĐQT	0,75
5	Ông: Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT	1,55

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban xây dựng cơ bản (Ban Đầu tư), gồm các thành viên sau:

+ Ông: Trần Ngọc Hải - Thành viên HĐQT – Trưởng Ban

+ Ông: Lê Tuấn Toàn - Thành viên HĐQT

+ Ông: Lê Ngọc Hình - Thành viên HĐQT.

+ Ông: Đồng Văn Lập - Thành viên HĐQT

+ Ông: Trần Đức Thạch - Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+ Ông: Phạm Văn Lâm - Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất

+ Ông: Đoàn Thu Sơn - Phó Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất

- Thư ký:

+ Ông: Lê Ngọc Hình

+ Ông: Tôn Long Thành Nam

+ Bà: Võ Thị Nhi

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 13 phiên họp, ban hành 21 nghị quyết và 38 quyết định liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty trong phạm vi và thẩm quyền của HĐQT, cũng như trong lĩnh vực đầu tư xây dựng phù hợp với Quy chế về đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty, quy định của pháp luật, đúng Điều lệ, đúng thẩm quyền, đúng với định hướng phát triển của Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà: Bùi Thị Như Hoa	Trưởng ban	2,01
2	Ông: Phạm Văn Lâm	Thành viên	0,47
3	Ông: Lâm Đức Chính	Thành viên	0,07

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2022 Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát về việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành trên một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022 và Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và kế hoạch sản xuất kinh doanh của HĐQT trong năm 2022.

- Kiểm tra, rà soát, tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy trình nội bộ, Điều lệ các Công ty con đã ban hành nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp và trình tự thủ tục ban hành các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng giám đốc Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật; quy định nội bộ về quản trị Công ty và công bố thông tin của Công ty theo qui định của UBCK Nhà Nước và Điều lệ Công ty.

- Tham gia xét chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán một số dự án đầu tư của Công ty; Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, 6 tháng của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập của 05 thành viên HĐQT năm 2022 là từ thù lao do ĐHCĐ phê duyệt và từ tiền lương, thưởng kiêm nhiệm công việc chuyên môn, cụ thể:

+ Tiền thù lao hàng tháng của HĐQT: từ 10-19 triệu đồng/người/tháng;

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm nhiệm trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc đơn vị từ 35-65 triệu đồng/người/tháng.

+ Tiền thưởng vượt kế hoạch năm 2021 của các thành viên HĐQT từ 110-160 triệu đồng.

b) Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao và thưởng của các thành viên BKS trong năm 2022 như sau:

+ Trưởng ban kiểm soát thù lao: 20 triệu đồng/tháng (thưởng vượt KH năm 2021 là 156 triệu đồng)

+ Thành viên ban kiểm soát thù lao: 06 triệu đồng đến 8 triệu đồng/tháng (thưởng vượt KH năm 2021 là 75 triệu đến 93 triệu đồng)

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan, cổ đông lớn đối với cổ phiếu của công ty: *Có Phụ lục số 01 kèm theo.*

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm năm 2022 đăng tải tại Website: apfco.com.vn/Thông tin Nhà đầu tư/Báo cáo tài chính 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố website Cty;
- Lưu: VT, TK.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
Chủ tịch HĐQT**



Võ Văn Danh

**C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM
QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty/Quan hệ với người nội bộ của Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (14/3/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (24/02/2023)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT	1.148.467	5,74%	1.300.473	5,77%	Trả cổ tức, mua
<i>1.1</i>	<i>Đặng Mỹ Ái Hoa</i>	Vợ ông Võ Văn Danh	296.256	1,48%	325.881	1,44%	Trả cổ tức
<i>1.2</i>	<i>Võ Đăng Thực Khang</i>	Con gái ông Võ Văn Danh	44.000	0,22%	48.400	0,21%	Trả cổ tức
<i>1.3</i>	<i>Đoàn Ngọc Hùng</i>	Con rể ông Võ Văn Danh	180.950	0,90%	199.045	0,88%	Trả cổ tức
2	Lê Tuấn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT	680.101	3,40%	773.412	3,43%	Trả cổ tức, mua
<i>2.1</i>	<i>Ngô Thị Lạc</i>	Vợ ông Lê Tuấn Toàn	22.040	0,11%	24.244	0,11%	Trả cổ tức
3	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	343.121	1,71%	413.012	1,83%	Trả cổ tức, mua
<i>3.1</i>	<i>Trần Thùy Dương</i>	Con gái ông Trần Ngọc Hải	22.000	0,11%	24.200	0,11%	Trả cổ tức
4	Đông Văn Lập	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	127.845	0,64%	169.230	0,75%	Trả cổ tức, mua
5	Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	283.800	1,42%	350.251	1,55%	Trả cổ tức, mua
6	Trần Đức Thạch	Phó Tổng Giám đốc	207.799	1,04%	252.297	1,12%	Trả cổ tức, mua
<i>6.1</i>	<i>Nguyễn Duy Thiêm</i>	Em rể ông Trần Đức Thạch	49.543	0,25%	58.157	0,26%	Trả cổ tức, mua

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty/Quan hệ với người nội bộ của Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (14/3/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (24/02/2023)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Phạm Quốc Tài	Kế toán trưởng	59.000	0,29%	77.022	0,34%	Trả cổ tức, mua, bán
8	Bùi Thị Như Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	412.862	2,06%	454.148	2,01%	Trả cổ tức
8.1	<i>Nguyễn Chính</i>	Chồng bà Bùi Thị Như Hoa	262.383	1,31%	288.621	1,28%	Trả cổ tức
9	Phạm Văn Lâm	Thành viên BKS	77.477	0,39%	104.990	0,47%	Trả cổ tức, mua, bán
10	Lâm Đức Chính	Thành viên BKS	15.621	0,08%	16.683	0,07%	Trả cổ tức, bán
11	Huỳnh Văn Đồng	Giám đốc Nhà máy Gia Lai	70.599	0,35%	95.447	0,42%	Trả cổ tức, mua
12	Đỗ Đình Ban	Giám đốc Nhà máy Quảng Ngãi	30.000	0,15%	60.056	0,27%	Trả cổ tức, mua
13	Phan Gia Thái	Giám đốc Nhà máy Đắk Tô	29.921	0,15%	52.415	0,23%	Trả cổ tức, mua
13.1	<i>Võ Thị Nhi</i>	Vợ ông Phan Gia Thái	35.857	0,18%	57.231	0,25%	Trả cổ tức, mua
14	Trương Văn Quang	Giám đốc Nhà máy Đồng Xuân	40.404	0,20%	62.533	0,28%	Trả cổ tức, mua
14.1	<i>Nguyễn Thị Tuyết Trinh</i>	Vợ ông Trương Văn Quang	18.498	0,09%	20.007	0,09%	Trả cổ tức, bán
15	Tôn Long Thành Nam	Giám đốc TTTM Chợ Quảng Ngãi	73.716	0,37%	96.559	0,43%	Trả cổ tức, mua, bán
15.1	<i>Kiều Thị Đông Hà</i>	Vợ ông Tôn Long Thành Nam	7.200	0,04%	620	0,00%	Trả cổ tức, mua, bán
15.2	<i>Tôn Thị Hoàng Chung</i>	Em gái ông Tôn Long Thành Nam	4.689	0,02%	4.657	0,02%	Trả cổ tức, mua, bán
16	Bùi Long Thạch	Giám đốc Nhà máy Tân Châu	1.505	0,01%	15.491	0,07%	Trả cổ tức, mua
17	Vũ Lam Sơn	Cổ đông lớn	1.147.266	5,73%	1.261.991	5,60%	Trả cổ tức
18	Nguyễn Đức Thắng	Cổ đông lớn	1.000.000	5,00%	1.310.000	5,81%	Trả cổ tức, mua, bán